

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: METHYLENE BLUE – DUNG DỊCH 1%

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất (IUPAC / quốc tế):** Methylene Blue
- Tên khác:** Methylene Chloride Blue, Basic Blue 9
- CAS:** 61-73-4
- Công thức:** $C_{16}H_{18}ClN_3S \cdot xH_2O$
- Dạng:** Dung dịch nước 1% (w/v)
- Sử dụng đã định:** Thuốc thử trong phòng thí nghiệm, nhuộm sinh học, xử lý nước
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**
 - Tên công ty: CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI
 - Mã số thuế: 0314051291
 - Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - GHS07: Nguy hại sức khỏe
- Biểu tượng GHS:**
- Câu cảnh báo nguy hiểm:**
 - H302: Độc nếu nuốt phải
 - H317: Có thể gây dị ứng da
- Câu phòng ngừa:**
 - P264: Rửa tay kỹ sau khi thao tác
 - P280: Mang găng tay và kính bảo hộ
 - P301+P312: Nếu nuốt phải: Gọi trung tâm y tế nếu cảm thấy không khỏe
 - P302+P352: Nếu tiếp xúc da: Rửa bằng xà phòng và nhiều nước

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Tỷ lệ
Methylene Blue	61-73-4	1%
Nước cất	7732-18-5	99%

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp nếu cần
- Tiếp xúc da:** Rửa vùng da với nhiều nước và xà phòng
- Tiếp xúc mắt:** Rửa ngay bằng nước ít nhất 15 phút, đến cơ sở y tế nếu cần
- Nuốt phải:** Không gây nôn, uống nhiều nước, theo dõi y tế

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Dùng bình bột khô, CO₂, bọt hoặc nước xung quanh
- Tránh nhiệt độ cao, lửa trần
- Bảo hộ: quần áo chống cháy, kính bảo hộ, mặt nạ phòng độc

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Tránh tiếp xúc trực tiếp
- Thu gom hóa chất tràn, cho vào thùng chứa an toàn
- Không xả trực tiếp ra môi trường

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Trong phòng thí nghiệm, thông gió tốt
- **Bảo quản:** Nơi khô, mát, tránh ánh sáng trực tiếp, kín
- **Không tương thích:** Chất khử mạnh, axit mạnh

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Hô hấp:** Mặt nạ lọc bụi nếu phun sương
- **Tay:** Găng tay chống hóa chất
- **Mắt:** Kính bảo hộ kín
- **Da:** Quần áo bảo hộ kín

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Dung dịch trong suốt, xanh thẫm
Màu sắc	Xanh thẫm
Mùi	Nhẹ, đặc trưng
Nhiệt độ sôi	~100°C
Độ tan trong nước	Tan hoàn toàn
pH (1% dung dịch)	~6-7

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Ổn định trong điều kiện bình thường
- Tránh nhiệt độ cao, ánh sáng mạnh
- Phản ứng với chất khử mạnh

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- LD50 (chuột, uống): 1180 mg/kg (giá trị tham khảo cho dạng bột)
- Gây kích ứng da, mắt, có thể gây dị ứng

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Hòa tan trong nước
- Không phân hủy nhanh, độc với sinh vật thủy sinh ở nồng độ cao
- Không tích lũy sinh học

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom dung dịch còn lại, xử lý theo quy định địa phương
- Không xả trực tiếp ra nguồn nước

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** Không yêu cầu (không nguy hiểm ở 1% dung dịch)
- **Loại nguy hiểm:** Không áp dụng
- Tuân thủ ADR/IMDG/IATA

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- Tuân thủ TCVN 9487:2012
- Là hóa chất nguy cơ thấp khi thao tác đúng

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày phát hành SDS: 26/11/2025
- Tham khảo: Sigma-Aldrich SDS, PubChem
- Ghi chú:

- Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
- Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế